



BẢO HIỂM TOÀN CẦU

HOME
CREDIT

HƯỚNG DẪN DỊCH VỤ

BẢO HIỂM BẢO VỆ XE MÁY TOÀN DIỆN



(Tài liệu dành cho khách hàng HOME CREDIT tham gia Dịch vụ Bảo hiểm Bảo vệ xe máy toàn diện Gói 20/20 PLUS, Gói 40/40 PLUS, Gói 70/70 PLUS)

*Xin vui lòng đọc kỹ thêm các điều kiện, điều khoản và quy định trong Quy tắc bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm.



Tổng đài cứu hộ: **1900 969612**
Tổng đài bảo hiểm: **1900 6486**

CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI GIC!

Cảm ơn Bạn đã lựa chọn tham gia Dịch vụ **BẢO HIỂM BẢO VỆ XE MÁY TOÀN DIỆN** của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu (GIC).

Để chúng tôi phục vụ Bạn một cách tốt nhất, xin lưu ý:

1. Bạn sẽ nhận được xác nhận bằng tin nhắn SMS sau khi đăng ký Dịch vụ thành công.
2. Khi tham gia Gói 20 PLUS hoặc Gói 40 PLUS hoặc Gói 70 PLUS, chúng tôi sẽ gửi Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới qua đường bưu điện đến địa chỉ Bạn đăng ký trong vòng **07 ngày làm việc**. Bạn nhớ luôn mang theo Giấy chứng nhận này để xuất trình cơ quan chức năng khi được yêu cầu.
3. Khi có các thắc mắc liên quan đến Dịch vụ, Bạn vui lòng liên hệ Tổng đài Tư vấn **1800 6786** hoặc gửi thư điện tử về địa chỉ **chamsockhachhang@gic.com.vn** để được hỗ trợ.

GIC chúc Bạn luôn có những hành trình an toàn!

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| CÁC GÓI DỊCH VỤ..... | 06 |
| QUYỀN LỢI CỦA BẠN..... | 08 |
| HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỨU HỘ..... | 20 |
| HƯỚNG DẪN YÊU CẦU CHI TRẢ BẢO HIỂM KHI BỊ TAI NẠN, MẤT CẤP, MẤT CƯỚP XE..... | 21 |
| HỒ SƠ YÊU CẦU CHI TRẢ BẢO HIỂM KHI BỊ TAI NẠN, MẤT CẤP, MẤT CƯỚP XE..... | 23 |
| CÁC THÔNG TIN KHÁC..... | 25 |



BẠN HÃY LƯU LẠI THÔNG TIN HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ ĐỂ TIỆN TRA CỨU

Biển số xe:

Số Hợp đồng:

Hiệu lực từ:

Hiệu lực đến:



CÁC GÓI DỊCH VỤ

| Quyền lợi | GÓI 20 PLUS | GÓI 40 PLUS | GÓI 70 PLUS |
|---|---|---|---|
| 1. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | Về người: 150.000.000 /người/vụ Tài sản: 50.000.000/vụ | Về người: 150.000.000 /người/vụ Tài sản: 50.000.000/vụ | Về người: 150.000.000 /người/vụ Tài sản: 50.000.000/vụ |
| 2. Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy cho lái xe và người đi cùng trên xe | 40.000.000/ người/vụ | 40.000.000/ người/vụ | 40.000.000/ người/vụ |
| 3. Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ xe mô tô, xe máy, xe máy điện | Tối đa 20.000.000 | Tối đa 40.000.000 | Tối đa 70.000.000 |
| 4. Cứu hộ miễn phí 24/7 tại 56 tỉnh thành | Miễn phí, không giới hạn số lần sử dụng | Miễn phí, không giới hạn số lần sử dụng | Miễn phí, không giới hạn số lần sử dụng |

(Đơn vị: đồng)

| Quyền lợi | GÓI 20 | GÓI 40 | GÓI 70 |
|---|--|--|--|
| 1. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | X Không áp dụng | X Không áp dụng | X Không áp dụng |
| 2. Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy cho lái xe và người đi cùng trên xe | 40.000.000/ người/vụ | 40.000.000/ người/vụ | 40.000.000/ người/vụ |
| 3. Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ xe mô tô, xe máy, xe máy điện | Tối đa 20.000.000 | Tối đa 40.000.000 | Tối đa 70.000.000 |
| 4. Cứu hộ miễn phí 24/7 tại 56 tỉnh thành | Miễn phí, không giới hạn số lần sử dụng | Miễn phí, không giới hạn số lần sử dụng | Miễn phí, không giới hạn số lần sử dụng |

(Đơn vị: đồng)

QUYỀN LỢI CỦA BẠN



1. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới



2. Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy cho lái xe và người đi cùng trên xe



3. Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ xe mô tô, xe máy, xe máy điện



4. Cứu hộ miễn phí 24/7 tại 56 tỉnh thành

1 Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới

Phạm vi bảo hiểm: GIC hỗ trợ đền bù các thiệt hại về người và của mà xe gây ra cho người khác (bên thứ ba) khi tham gia giao thông trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Mức chi trả:

- Thiệt hại về thân thể, tính mạng đối với bên thứ ba do xe cơ giới gây ra: chi trả theo % mức độ thương tật và mức độ lỗi của chủ xe, tối đa 150.000.000 đồng/người/vụ.
- Thiệt hại về tài sản đối với bên thứ ba: chi trả theo thiệt hại thực tế và mức độ lỗi của chủ xe, tối đa 50.000.000 đồng/vụ.

Quy tắc bảo hiểm áp dụng: Áp dụng theo Nghị định 03/2021/NĐ-CP quy định Quy tắc Bảo hiểm Bắt buộc Trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới của Thủ tướng Chính phủ.

Điểm loại trừ:

- Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe cơ giới, người lái xe hoặc người bị thiệt hại.
- Người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy không thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Trường hợp người lái xe gây tai nạn cố ý bỏ chạy nhưng đã thực hiện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới thì không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

- Người lái xe chưa đủ độ tuổi hoặc quá độ tuổi điều khiển xe cơ giới theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ; người lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản Lý Giấy phép lái xe) hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa hoặc sử dụng Giấy phép lái xe hết hạn sử dụng tại thời điểm xảy ra tai nạn hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không phù hợp đối với xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc bị thu hồi Giấy phép lái xe thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
- Thiệt hại gây ra hậu quả gián tiếp bao gồm: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại.
- Thiệt hại đối với tài sản do lái xe điều khiển xe mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
- Thiệt hại đối với tài sản bị mất cắp hoặc bị cướp trong tai nạn.
- Thiệt hại đối với tài sản đặc biệt bao gồm: vàng, bạc, đá quý, các loại giấy tờ có giá trị như tiền, đồ cổ, tranh ảnh quý hiếm, thi hài, hài cốt.
- Chiến tranh, khủng bố, động đất.

2 Bảo hiểm Tai nạn người ngồi trên xe máy

Phạm vi bảo hiểm: GIC chi trả bảo hiểm cho lái xe và người khác được chở trên xe bị tử vong, thương tật vĩnh viễn, thương tật tạm thời do tai nạn trong khi: xe đang hoạt động; đang lên xuống xe, qua phà, qua đò, qua cầu trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Mức chi trả:

- Trường hợp tử vong: **40.000.000 đồng/người/vụ.**
- Trường hợp thương tật vĩnh viễn: **40.000.000 đồng/người/vụ x % thương tật** quy định trong Bảng tỷ lệ thương tật do GIC ban hành.
- Trường hợp thương tật tạm thời: theo chi phí y tế thực tế, hợp lý và trợ cấp 100.000 VNĐ/ngày điều trị (tối đa 180 ngày). Tổng chi trả không vượt quá **40.000.000 đồng/người/vụ x % thương tật** quy định trong Bảng tỷ lệ thương tật do GIC ban hành.
- Nếu số người trên xe vượt quá 02 người thì GIC sẽ chỉ trả theo tỷ lệ 02/Số người thực tế trên xe. Riêng trẻ em dưới 7 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi. Lái xe không có giấy phép lái xe bị giảm 50% quyền lợi.

Quy tắc bảo hiểm áp dụng: Quy tắc bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe máy ban hành theo quyết định số 2046/2016/QĐ-GIC-XCG ngày 05/12/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu.

Điểm loại trừ:

- Tai nạn xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hành vi cố ý gây tai nạn của Người được bảo hiểm hoặc Người thừa kế hợp pháp. Trừ trường hợp trẻ em dưới 14 tuổi.
- Lái xe điều khiển xe trên đường mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc có ma túy hoặc chất kích thích mà pháp luật cấm sử dụng.
- Xe sử dụng để tập lái, đua (kể cả hợp pháp hoặc trái phép). Xe tham gia các hoạt động, sự kiện liên quan đến biểu diễn, thử xe.
- Xe vận chuyển hàng trái phép, chở chất cháy nổ trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định pháp luật.
- Bị cảm đột ngột, trúng gió, bệnh tật.
- Ngộ độc thức ăn, uống hoặc bị ảnh hưởng do sử dụng thuốc.
- Tai nạn do tham gia vào các hoạt động bất hợp pháp, chống cự khi bị người đang thi hành công vụ bắt giữ, truy đuổi.

3 Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ xe mô tô, xe máy, xe máy điện

Phạm vi bảo hiểm: GIC chi trả bảo hiểm cho chủ xe khi:

1. Xe được bảo hiểm bị tổn thất toàn bộ thực tế (bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hỏng nghiêm trọng đến mức không thể sửa chữa, phục hồi lại được để đảm bảo lưu hành an toàn) hoặc tổn thất toàn bộ ước tính (chi phí sửa chữa, phục hồi thực tế và hợp lý lớn hơn 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tai nạn) do các nguyên nhân trực tiếp sau:
 - ✓ Tai nạn bất ngờ và ngoài sự kiểm soát của chủ xe, bao gồm: đâm va, lật đổ, vật thể từ bên ngoài tác động lên xe mô tô, xe máy.
 - ✓ Hỏa hoạn, cháy nổ.
 - ✓ Xe được bảo hiểm bị tổn thất do các nguyên nhân bất khả kháng do thiên nhiên, bao gồm: Bão, lũ lụt, sạt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.
2. Mất cắp toàn bộ xe tại nhà hoặc tại điểm trông giữ xe và không tìm lại được sau 30 ngày. Trong đó:
 - ✓ **Mất cắp toàn bộ xe tại nhà, nơi cư trú:** Toàn bộ xe được bảo hiểm bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào nhà hoặc nơi cư trú có dấu vết cạy phá, hoặc/và có bằng chứng để lại (bao gồm hình ảnh ghi hình), và/hoặc tấn công bằng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của chủ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe được bảo hiểm.
 - ✓ **Nhà:** công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân mà chủ xe là chủ sở hữu. Nhà có thể là nhà ở riêng lẻ hoặc Nhà chung cư.
 - ✓ **Nơi cư trú:** là nơi mà chủ xe đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú.

- ✓ **Mất cắp toàn bộ xe tại điểm trông giữ xe:** Toàn bộ xe được bảo hiểm bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào điểm trông giữ xe nơi xe được bảo hiểm đang được trông giữ, hoặc thực hiện các hành vi lừa đảo người trông giữ xe hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của chủ xe, người trông giữ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe được bảo hiểm.
 - ✓ **Điểm trông giữ xe:** Là các điểm trông giữ xe của trường học, bệnh viện, tòa nhà, cơ quan nhà nước, các điểm trông giữ xe công cộng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đồng thời có phiếu, thẻ, vé giữ xe.
3. Mất cướp toàn bộ xe được bảo hiểm và không tìm lại được sau 30 ngày.
 4. Mất cắp, mất cướp toàn bộ xe được bảo hiểm trong trường hợp bị tai nạn giao thông và không tìm lại được sau 30 ngày.
 5. Các trường hợp mất cắp toàn bộ xe được bảo hiểm và không tìm lại được sau 30 ngày khác ngoài các trường hợp tại Mục 2, 4 và không thuộc điều khoản loại trừ.

Mức chi trả: Tùy theo thời gian sử dụng và giá mua mới của xe, GIC trả tiền bảo hiểm cho chủ xe như sau:

- Đối với phạm vi bảo hiểm theo Mục 1, 2, 3, 4:

| Tuổi xe | GIC chi trả cho chủ xe | Mức chi trả tối đa (triệu đồng) | | |
|-----------------|--|---------------------------------|---------------------|---------------------|
| | | GÓI 20 / 20 PLUS | GÓI 40 / 40 PLUS | GÓI 70 / 70 PLUS |
| ≤ 01 năm | 100% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 20 | 40 | 70 |
| > 01 đến 02 năm | 90% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 18 | 36 | 63 |

| | | | | |
|-----------------------|---|----|----|------|
| > 02 đến 03 năm | 80% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 16 | 32 | 56 |
| > 03 đến 04 năm | 70% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 14 | 28 | 49 |
| > 04 đến 05 năm | 60% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 12 | 24 | 42 |
| > 05 đến 06 năm | 50% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 10 | 20 | 35 |
| > 06 đến 07 năm | 45% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 9 | 18 | 31,5 |
| > 07 đến 08 năm | 40% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 8 | 16 | 28 |
| > 08 đến 09 năm | 35% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 7 | 14 | 24,5 |
| > 09 đến 10 năm | 30% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 6 | 12 | 21 |
| > 10 đến 15 năm | 20% giá trị mua mới của xe, không quá Mức chi trả tối đa. | 4 | 8 | 14 |

Trong đó, giá trị mua mới bằng giá mua xe mới có cùng tính năng, công suất và nhãn hiệu, chủng loại với xe được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất. Trong trường hợp xe có cùng tính năng, công suất và nhãn hiệu, chủng loại không còn được sản xuất thì giá mua mới của xe được tính bằng đúng giá mà xe đó được mua mới.

- Đối với phạm vi bảo hiểm theo Mục 5:

| | |
|--|--|
| | <p>Trường hợp mất cắp toàn bộ xe được bảo hiểm không phải tại nhà, nơi cư trú (bao gồm các điểm trông giữ xe không có giấy phép trông giữ xe) có bằng chứng để lại (bao gồm hình ảnh ghi hình) và không tìm lại được sau 30 ngày thì GIC sẽ thanh toán tối đa 30% số tiền chi trả bồi thường theo bảng trên.</p> |
| | <p>Trường hợp mất cắp toàn bộ xe được bảo hiểm tại nhà, nơi cư trú nhưng không có bằng chứng để lại và không tìm lại được sau 30 ngày thì GIC sẽ chỉ chi trả tối đa 20% số tiền chi trả theo bảng trên.</p> |
| | <p>Các trường hợp mất cắp toàn bộ xe được bảo hiểm khác không thuộc điều khoản loại trừ thì GIC sẽ chỉ chi trả tối đa 10% số tiền chi trả theo bảng trên.</p> |

Phạm vi địa lý được bảo hiểm: Việt Nam.

Quy tắc bảo hiểm áp dụng: Quy tắc Bảo hiểm tổn thất toàn bộ, mất cắp toàn bộ và mất cướp toàn bộ mô tô, xe máy ban hành theo quyết định số 2046/2016/QĐ-GIC-XCG ngày 05/12/2016 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu và được điều chỉnh theo các điều kiện, điều khoản được nêu trong Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm.

Điểm loại trừ:

- Xe mô tô, xe máy, xe máy điện đang có tranh chấp dân sự. Loại trừ này sẽ được bãi bỏ khi tranh chấp được giải quyết xong bằng bản án hay thỏa thuận giữa các bên có tranh chấp.
- Tổn thất, thiệt hại do hành vi lừa đảo, lợi dụng lòng tin của bất kỳ người nào đối với Chủ xe.

- Hành động cố ý gây tai nạn của Chủ xe, Lái xe; hành vi gian lận, không trung thực, thông đồng với kẻ gian của Chủ xe.
- Xe mô tô, xe máy, xe máy điện sử dụng để đua (kể cả hợp pháp hoặc trái phép). Xe mô tô, xe máy, xe máy điện tham gia các hoạt động, sự kiện liên quan đến biểu diễn, chạy thử.
- Sử dụng xe mô tô, xe máy, xe máy điện bị tai nạn khi thực hiện các hoạt động bất hợp pháp.
- Tại thời điểm điều khiển xe gây ra tai nạn, Lái xe không có Giấy phép lái xe hợp lệ theo quy định pháp luật hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Lái xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn.
- Lái xe đang điều khiển xe trên đường mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá quy định của pháp luật hiện hành hoặc có các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.
- Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
- Xe vận chuyển hàng trái phép, chở chất cháy nổ trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển, xếp dỡ hàng theo quy định pháp luật.
- Tổn thất vô hình do giảm giá trị thị trường, hao mòn trong khi sử dụng, rỉ sét, hư hỏng bộ phận của Đối tượng được bảo hiểm trong quá trình sử dụng hoặc do sự trưng dụng, tịch thu của chính quyền hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Khủng bố, chiến tranh và các nguyên nhân tương tự như: nội chiến, bạo động, đình công.
- Mất cắp bộ phận xe.
- Mất trộm do Chủ xe để quên chìa khóa xe máy.
- Cháy, Nổ do lỗi của nhà sản xuất hoặc do tự ý thay đổi/lắp thêm các linh kiện không theo thiết kế của nhà sản xuất.

4

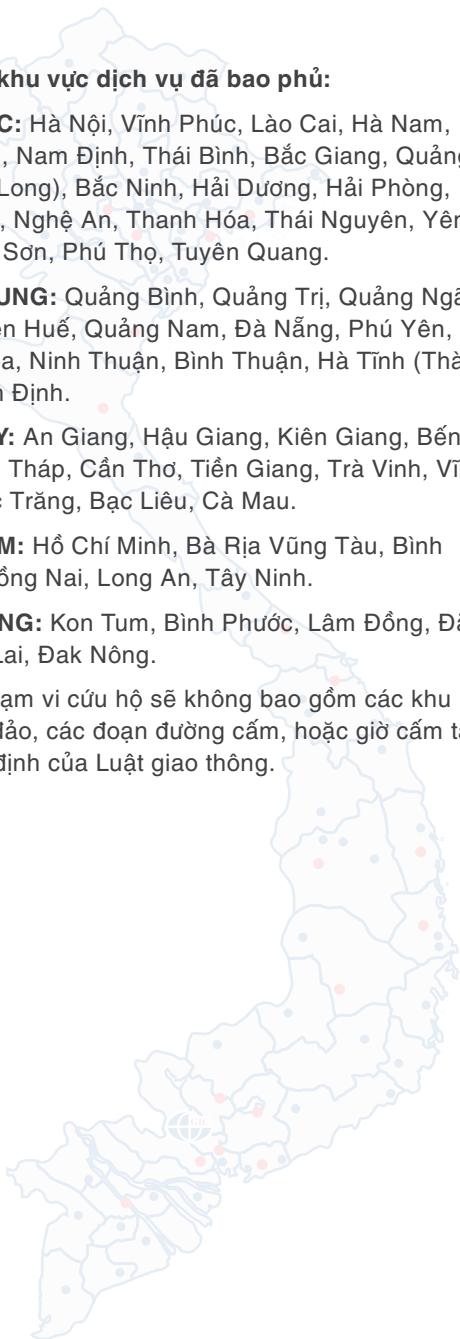
Sử dụng miễn phí dịch vụ Cứu hộ xe máy 24/7 tại các tỉnh thành mà dịch vụ bao phủ

- **Vận chuyển xe miễn phí:** Trường hợp xe gặp tai nạn hoặc hỏng hóc nặng, GIC sẽ vận chuyển xe đến cửa hàng sửa chữa hoặc về nhà của khách hàng. Miễn phí vận chuyển < 50 Km. Phụ thu 100.000 đồng/10 Km khi vận chuyển vượt quá số Km được miễn phí.
- **Đổ xăng:** Trường hợp xe hết xăng trên đường (không áp dụng khi xe ở nhà), GIC sẽ miễn phí công giao xăng đến cho khách hàng (bình 600ml). Khách hàng chỉ trả phí cho dung tích xăng yêu cầu cung cấp theo giá trị trường.
- **Mất chìa khóa, hư ổ khóa, chết máy:** GIC sẽ hỗ trợ khắc phục vấn đề tạm thời để khách hàng có thể tiếp tục sử dụng xe. Nếu không thể khắc phục được, GIC sẽ cung cấp dịch vụ vận chuyển xe.
- **Xi lốp:** GIC sẽ sửa chữa (vá tạm thời) hoặc vận chuyển đến cửa hàng sửa chữa (trong trường hợp cần thay thế).

Lưu ý: GIC không cứu hộ cho các trường hợp có yếu tố thảm họa, khủng bố, chiến tranh, chiến sự, nổi loạn, bạo động, đình công; các trường hợp xe máy không bị hỏng; các trường hợp khách yêu cầu vận chuyển xe từ cửa hàng sửa chữa đến nơi khác; các trường hợp khách hàng có sử dụng chất kích thích, gây nghiện...

Danh sách các khu vực dịch vụ đã bao phủ:

- ✓ **MIỀN BẮC:** Hà Nội, Vĩnh Phúc, Lào Cai, Hà Nam, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Bắc Giang, Quảng Ninh (Hạ Long), Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Ninh Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Yên Bái, Lạng Sơn, Phú Thọ, Tuyên Quang.
- ✓ **MIỀN TRUNG:** Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Hà Tĩnh (Thành phố), Bình Định.
- ✓ **MIỀN TÂY:** An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.
- ✓ **MIỀN NAM:** Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tây Ninh.
- ✓ **MIỀN ĐÔNG:** Kon Tum, Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông.
- ✓ **Lưu ý:** phạm vi cứu hộ sẽ không bao gồm các khu vực biển/đảo, các đoạn đường cấm, hoặc giờ cấm tải theo quy định của Luật giao thông.





HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỨU HỘ

Bước 1 | Gọi Tổng đài cứu hộ **1900-96-96-12**

Khi gặp sự cố và cần cứu hộ, Chủ xe/Lái xe gọi về Tổng đài Cứu hộ 1900-96-96-12 để thông báo vị trí và đặc điểm sự cố. Tổng đài sẽ hẹn thời gian tiếp cận vị trí và phương án cứu hộ.

Bước 2 | GIC xử lý cứu hộ tại chỗ

Nhân viên cứu hộ tiếp cận vị trí sự cố và hỗ trợ khắc phục ngay tại chỗ. Trường hợp việc tiếp cận vị trí sự cố mất nhiều thời gian hơn dự kiến, Tổng đài sẽ thông báo đến Chủ xe/Lái xe.

Bước 3 | GIC chuyển xe về nếu cần

Trong trường hợp sự cố không thể khắc phục ngay tại chỗ, xe tải cứu hộ sẽ tiếp cận vị trí để hỗ trợ chuyển xe máy đến trung tâm sửa chữa gần nhất. Chủ xe/Lái xe sẽ trực tiếp làm việc với đơn vị sửa chữa này để sửa chữa các hư hỏng của xe. Trường hợp việc tiếp cận vị trí sự cố mất nhiều thời gian hơn dự kiến, Tổng đài sẽ thông báo đến Chủ xe/Lái xe.

Bước 4 | Hoàn tất giấy tờ

Chủ xe/Lái xe hoàn tất một số giấy tờ cần thiết để nhân viên cứu hộ hoàn tất quy trình phục vụ.



HƯỚNG DẪN YÊU CẦU CHI TRẢ BẢO HIỂM KHI BỊ TAI NẠN, MẤT CẤP, MẤT CƯỚP XE

Bước 1 | Gọi tổng đài bảo hiểm **1900-6486**

Khi phát hiện xe bị mất cắp, mất cướp hoặc xảy ra tai nạn giao thông, Chủ xe/Lái xe phải:

- Thông báo ngay lập tức cho **Tổng đài Chăm sóc khách hàng 1900-6486** của GIC và Công an địa phương nơi gần nhất **không muộn hơn 48 tiếng** kể từ ngày xảy ra tổn thất đối với trường hợp mất cắp, mất cướp và 7 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất đối với các trường hợp khác.
- Lưu ý: GIC không chịu trách nhiệm chi trả bồi thường cho các trường hợp Người được bảo hiểm không thông báo cho Công an và GIC trong thời hạn kể trên.

Bước 2 | Xử lý tại chỗ trường hợp tai nạn giao thông

- Thông báo sự việc đến Cảnh sát giao thông gần nhất.
- Thu thập thông tin của các bên liên quan đến vụ việc và những người chứng kiến vụ việc.
- Chụp lại hình ảnh hiện trường tai nạn.
- Đến ngay bệnh viện/trung tâm y tế nếu bị thương.

Bước 3 | **GIC thực hiện giám định**

Nhân viên giám định của GIC hoặc người được GIC ủy quyền sẽ phối hợp chặt chẽ với Chủ xe/Lái xe, bên thứ ba hoặc người đại diện hợp pháp của các bên liên quan để thực hiện việc giám định tổn thất để xác định nguyên nhân và đánh giá mức độ thiệt hại.

Bước 4 | **Chuẩn bị hồ sơ**

Khách hàng chuẩn bị Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm theo hướng dẫn của Tổng đài viên và Nhân viên giám định GIC và gửi Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm về GIC để được xem xét giải quyết. Thời hạn nộp Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm cho GIC là 01 năm kể từ ngày xảy ra tổn thất. Nếu sau thời gian này, Hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm sẽ tự động bị từ chối.

Bước 5 | **GIC xử lý hồ sơ và trả kết quả**

GIC tiếp nhận và xử lý hồ sơ đã đầy đủ của khách hàng. Trong vòng 15 ngày làm việc, GIC sẽ thông báo đến khách hàng kết quả giải quyết yêu cầu trả tiền bảo hiểm. Trường hợp GIC đồng ý chi trả bảo hiểm, GIC sẽ thực hiện thanh toán trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Người được bảo hiểm xác nhận đồng ý với kết quả giải quyết yêu cầu trả tiền bảo hiểm.

HỒ SƠ YÊU CẦU CHI TRẢ BẢO HIỂM KHI BỊ TAI NẠN, MẤT CẮP, MẤT CƯỚP XE

Để có cơ sở giải quyết yêu cầu trả tiền bảo hiểm, GIC cần bạn cung cấp các giấy tờ, chứng từ sau:

1. Giấy thông báo tai nạn và yêu cầu trả tiền bảo hiểm (mẫu do GIC cung cấp).
2. Các tài liệu liên quan đến xe, Chủ xe và Lái xe: Bản sao có xác nhận của nhân viên GIC hoặc của cơ quan có thẩm quyền:
 - Giấy chứng nhận đăng ký xe (cung cấp bản gốc trường hợp tổn thất toàn bộ, mất cắp, mất cướp xe).
 - Giấy phép lái xe của Lái xe (trường hợp tổn thất khi xe đang tham gia giao thông).
 - Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc các Giấy tờ tùy thân khác của Chủ xe và/hoặc Lái xe.
3. Các tài liệu liên quan đến sự kiện bảo hiểm:
 - Trường hợp xe bị mất cắp, mất cướp toàn bộ:
 - ✓ Đơn trình báo mất xe có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.
 - ✓ Các biên bản, tài liệu liên quan đến vụ trộm cắp như: sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, ghi nhận dấu vết, tang vật, chứng cứ liên quan đến vụ việc (nếu có).
 - ✓ Phiếu hoặc thẻ giữ xe, giấy phép của điểm trông giữ xe (trường hợp xe bị mất cắp toàn bộ tại điểm trông giữ xe);
 - ✓ Bản sao có xác nhận của nhân viên GIC hoặc của cơ quan có thẩm quyền Hộ khẩu, Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy xác nhận cư trú của người sử dụng xe (trường hợp mất cắp tại nhà).
 - Trường hợp xe bị tai nạn:

- ✓ Bản sao các tài liệu liên quan của cơ quan có thẩm quyền về vụ tai nạn: Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn, Sơ đồ hiện trường, bản ảnh (nếu có), Biên bản khám nghiệm xe liên quan đến tai nạn, Bản kết luận điều tra tai nạn của Cảnh sát giao thông (nếu có), Các tài liệu khác có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).
- ✓ Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không có các tài liệu trên và thiệt hại xảy ra ước tính dưới 10 triệu đồng thì phải có các tài liệu do nhân viên được GIC chỉ định thực hiện: Biên bản xác minh vụ tai nạn, Biên bản giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại, Các tài liệu có liên quan đến vụ tai nạn (nếu có).

4. Các tài liệu liên quan đến thiệt hại phát sinh:

- Đối với thiệt hại toàn bộ xe, mất cắp, mất cướp nguyên chiếc:
 - ✓ Giấy chuyển quyền thụ hưởng, định đoạt tài sản.
 - ✓ Giấy chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn trong trường hợp đòi bồi thường bên thứ ba.
 - ✓ Bản sao hóa đơn mua xe (trường hợp tổn thất xảy ra trước thời điểm khách hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe).
 - ✓ Chìa khóa xe (nếu có).
 - Đối với thiệt hại về người: Chứng từ y tế liên quan đến việc điều trị, tùy theo mức độ thiệt hại có thể bao gồm một hoặc một số các tài liệu sau: Giấy chứng thương, Giấy ra viện, Giấy chứng nhận phẫu thuật, Hồ sơ bệnh án, Hoá đơn, biên lai theo quy định của Bộ Tài chính, Bảng kê chi tiết chi phí phát sinh cho quá trình điều trị từ Bệnh viện hoặc Cơ sở y tế cung cấp việc điều trị, Giấy chứng tử và Chứng từ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp (trong trường hợp nạn nhân tử vong).
 - Đối với thiệt hại tài sản của bên thứ ba: Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra do chủ xe thực hiện tại các cơ sở GIC chỉ định hoặc được sự đồng ý của GIC; Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của GIC.
5. Và các giấy tờ khác theo yêu cầu của GIC theo từng trường hợp cụ thể.

CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. ĐƠN VỊ CUNG CẤP GÓI DỊCH VỤ

Dịch vụ **BẢO HIỂM BẢO VỆ XE MÁY TOÀN DIỆN** được thực hiện bởi **Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu (“GIC”)**.

Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu (GIC) hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 37/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 19/06/2006.

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.3929.3555

Fax: 028.3929.3666

Website: www.gic.com.vn

2. ĐIỀU KIỆN THAM GIA DỊCH VỤ

Dịch vụ **BẢO HIỂM BẢO VỆ XE MÁY TOÀN DIỆN** là chương trình kết hợp Dịch vụ bảo hiểm và Dịch vụ cứu hộ xe máy dành cho các loại xe mô tô, xe máy, xe máy điện đáp ứng điều kiện sau:



Dung tích động cơ dưới 175cc hoặc xe máy điện



Có đăng ký hợp lệ



Thời gian sử dụng dưới 15 năm

3. CÁC ĐỊNH NGHĨA

- 1. Tổn thất toàn bộ thực tế:** Mô tô, xe máy được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hỏng nghiêm trọng đến mức không thể sửa chữa, phục hồi lại được để đảm bảo lưu hành an toàn.
- 2. Tổn thất toàn bộ ước tính:** Mô tô, xe máy được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hoặc hư hỏng đến mức nếu sửa chữa, phục hồi thì chi phí sửa chữa, phục hồi (thực tế và hợp lý) lớn hơn 75% giá trị thực tế của xe tại thời điểm xảy ra tai nạn.
- 3. Mất cướp toàn bộ xe:** Toàn bộ xe mô tô, xe máy bị chiếm đoạt do bị người khác tấn công vũ lực, hoặc bị đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe, Lái xe.
- 4. Mất cắp toàn bộ xe tại nhà, nơi cư trú:** Toàn bộ xe được bảo hiểm bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào nhà hoặc nơi cư trú có dấu vết cạy phá, hoặc/và có bằng chứng để lại (bao gồm hình ảnh ghi hình), và/hoặc tấn công bằng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe được bảo hiểm.
- 5. Nhà:** công trình xây dựng với mục đích để ở và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân mà Chủ xe là chủ sở hữu. Nhà có thể là nhà ở riêng lẻ hoặc Nhà chung cư.
- 6. Nơi cư trú:** là nơi mà Chủ xe đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú.
- 7. Mất cắp toàn bộ xe tại điểm trông giữ xe:** Toàn bộ xe được bảo hiểm bị trộm cắp do kẻ trộm đột nhập vào điểm trông giữ xe nơi xe được bảo hiểm đang được trông giữ, hoặc thực hiện các hành vi lừa đảo người trông giữ xe hoặc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực gây nguy hiểm cho tính mạng của Chủ xe, người trông giữ xe để chiếm đoạt toàn bộ xe được bảo hiểm.
- 8. Điểm trông giữ xe:** Là các điểm trông giữ xe của trường học, bệnh viện, tòa nhà, cơ quan nhà nước, các điểm trông giữ xe công cộng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động đồng thời có phiếu, thẻ, vé giữ xe.
- 9. Chủ xe:** Là chủ sở hữu mô tô, xe máy hoặc người được chủ sở hữu mô tô, xe máy giao chiếm hữu, sử dụng, điều khiển xe một cách hợp pháp.
- 10. Lái xe:** Người trực tiếp điều khiển mô tô, xe máy tham gia giao thông.

11. **Người đi cùng:** Người khác ngồi trên mô-tô, xe máy được đăng ký bảo hiểm và được Chủ xe hoặc Lái xe cho phép đi cùng trên xe.
12. **Người ngồi trên xe:** Bao gồm lái xe và người đi cùng.
13. **Bên thứ ba:** là người bị thiệt hại về thân thể, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau:
 - Lái xe, phụ xe trên chính chiếc xe đó.
 - Người trên xe và hành khách trên chính chiếc xe đó.
 - Chủ sở hữu xe trừ trường hợp chủ sở hữu đã giao cho tổ chức, cá nhân khác chiếm hữu, sử dụng chiếc xe đó.
14. **Thương tật:** Là thương tật cơ thể của Người được bảo hiểm có nguyên nhân trực tiếp và duy nhất do tai nạn, độc lập với tất cả các nguyên nhân khác.
15. **Thương tật toàn bộ vĩnh viễn:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật toàn bộ” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành.
16. **Thương tật bộ phận:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật bộ phận” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành, bao gồm các thương tật tạm thời và thương tật vĩnh viễn.
17. **Thương tật tạm thời:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật tạm thời” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành.
18. **Thương tật vĩnh viễn:** Là các thương tật nêu tại mục “Thương tật vĩnh viễn” trong Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm thương tật do GIC ban hành.
19. **Chi phí y tế thực tế:** Là những chi phí hợp lý và cần thiết về mặt y tế theo chỉ định của Bác sĩ điều trị, phát sinh khi Người được bảo hiểm phải điều trị tổn thương thân thể gây ra do tai nạn.
20. **Chi phí y tế hợp lý:** Là những chi phí y tế cần thiết không vượt quá mức chi phí chung của các nhà cung cấp dịch vụ y tế có cùng mức độ trong phạm vi địa lý của Hợp đồng, nơi phát sinh những chi phí đó, khi cung cấp các dịch vụ điều trị tương đương hoặc mức độ điều trị, dịch vụ, hay việc cung cấp dịch vụ đối với thương tật tương tự.
21. **Số ngày điều trị:** Là thời gian điều trị tổn thương thân thể gây ra do tai nạn. Được xác định bởi số ngày điều trị nội trú trong bệnh viện và điều trị sau khi xuất viện. Số ngày điều trị sau khi xuất viện được xác định theo chỉ định của Bác sĩ điều trị.

4. BẢNG TỶ LỆ THƯƠNG TẬT

THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ

| | |
|---|------|
| 1. Mù hoặc mất hoàn toàn 2 mắt..... | 100% |
| 2. Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được..... | 100% |
| 3. Hông toàn bộ chức năng nhai và nói..... | 100% |
| 4. Mất hoặc liệt hoàn toàn 2 tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) Hoặc 2 chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)..... | 100% |
| 5. Mất cả 2 bàn tay hoặc 2 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay hoặc 1 bàn chân, hoặc mất 1 cánh tay và 1 cẳng chân, hoặc 1 bàn tay và 1 cẳng chân hoặc 1 bàn tay và 1 bàn chân..... | 100% |
| 6. Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia..... | 100% |
| 7. Mất hoàn toàn khả năng lao động mà không thể làm bất cứ việc gì (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)..... | 100% |

THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN

CHI TRÊN

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|--|-----|
| 8. Mất 1 cánh tay từ vai xuống (Tháo khớp vai)..... | 80% |
| 9. Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống..... | 75% |
| 10. Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (Tháo khớp khuỷu)..... | 70% |
| 11. Mất trọn một bàn tay hoặc toàn bộ cả 5 ngón tay..... | 65% |
| 12. Mất đồng thời cả bốn ngón tay (trừ ngón cái)..... | 45% |
| 13. Mất đồng thời cả ngón cái và ngón trỏ..... | 40% |
| 14. Mất 3 ngón: 3 - 4 - 5..... | 32% |
| 15. Mất ngón cái và 2 ngón khác..... | 37% |
| 16. Mất ngón cái và 1 ngón khác..... | 32% |
| 17. Mất ngón trỏ và 2 ngón khác..... | 37% |
| 18. Mất ngón trỏ và 1 ngón giữa..... | 32% |
| 19. Mất trọn ngón cái và đốt bàn..... | 27% |
| - Mất trọn ngón cái..... | 22% |
| - Mất cả đốt ngoài..... | 12% |
| - Mất 1/2 đốt ngoài..... | 8% |
| 20. Mất ngón trỏ và đốt bàn..... | 22% |
| - Mất ngón trỏ..... | 20% |
| - Mất 2 đốt 2 và 3..... | 10% |
| - Mất đốt 3..... | 9% |
| 21. Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn (cả đốt bàn)..... | 20% |
| - Mất trọn ngón giữa hoặc ngón nhẫn..... | 17% |
| - Mất 2 đốt 2 và 3..... | 10% |
| - Mất đốt 3..... | 5% |
| 22. Mất cả ngón út và đốt bàn..... | 17% |
| - Mất cả ngón út..... | 12% |
| - Mất 2 đốt 2 và 3..... | 9% |
| - Mất đốt 3..... | 5% |
| 23. Cứng khớp bả vai..... | 30% |
| 24. Cứng khớp khuỷu tay..... | 30% |
| 25. Cứng khớp cổ tay..... | 30% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|---|-----|
| 26. Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả..... | 30% |
| 27. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 15% |
| 28. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai.... | 30% |
| 29. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 25% |
| 30. Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động khớp vai.... | 40% |
| 31. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 15% |
| 32. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 25% |
| 33. Gãy xương cánh tay, không phẫu thuật, can xấu, teo cơ..... | 25% |
| 34. Gãy xương cánh tay, có phẫu thuật, can xấu, teo cơ..... | 30% |
| 35. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 12% |

| | |
|--|-------|
| 36. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 18% |
| 37. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa | 20% |
| 38. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa | 25% |
| 39. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường | 10% |
| 40. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 15% |
| 41. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa | 15% |
| 42. Gãy 1 xương quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế cử động sấp ngửa | 20% |
| 43. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương..... | 25% |
| 44. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 2 xương..... | 35% |
| 45. Gãy 2 xương cẳng tay, không phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương..... | 15% |
| 46. Gãy 2 xương cẳng tay, có phẫu thuật, di chứng khớp giả 1 xương..... | 25% |
| 47. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường | 10% |
| 48. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường | 14% |
| 49. Gãy đầu dưới xương quay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay | 15% |
| 50. Gãy đầu dưới xương quay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay | 18% |
| 51. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 8% |
| 52. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 10% |
| 53. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay | 12% |
| 54. Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay | 15% |
| 55. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường | 10% |
| 56. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường | 13% |
| 57. Gãy xương cổ tay, không phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay..... | 15% |
| 58. Gãy xương cổ tay, có phẫu thuật, can xấu, hạn chế động tác cổ tay..... | 18% |
| 59. Gãy xương đốt bàn (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tăng thêm tương ứng 2%) | 8-16% |
| 60. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 8% |
| 61. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 12% |
| 62. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, can gỗ, cứng vai..... | 18% |
| 63. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, can gỗ, cứng vai..... | 25% |
| 64. Gãy xương đòn, không phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai | 30% |
| 65. Gãy xương đòn, có phẫu thuật, có chèn ép thần kinh mũ vai | 35% |
| 66. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, không phẫu thuật | 10% |
| 67. Gãy xương bả vai, gãy vỡ, khuyết phần thân xương, có phẫu thuật | 15% |
| 68. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, không phẫu thuật..... | 17% |
| 69. Gãy xương bả vai, gãy vỡ ngành ngang, có phẫu thuật..... | 22% |
| 70. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, không phẫu thuật | 30% |
| 71. Gãy xương bả vai, gãy vỡ phần khớp vai, có phẫu thuật | 40% |
| 72. Gãy xương ngón tay (tùy mức độ từ 1 đến nhiều ngón, mỗi ngón tăng thêm tương ứng 3%) | 3-12% |

CHI DƯỚI

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|---|-----|
| 73. Mất 1 chân từ háng xuống (Tháo khớp háng 1 đùi) | 80% |
| 74. Cắt cụt một đùi | |
| - 1/3 trên | 75% |
| - 1/3 giữa hoặc dưới | 65% |
| 75. Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (Tháo khớp gối) | 65% |
| 76. Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân..... | 60% |
| 77. Mất xương sên | 37% |
| 78. Mất xương gót..... | 40% |
| 79. Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân | 40% |
| 80. Mất đoạn xương mác | 25% |
| 81. Mất mắt cá chân: | |
| - Mắt cá ngoài..... | 12% |
| - Mắt cá trong..... | 17% |
| 82. Mất cả 5 ngón chân | 50% |
| 83. Mất 4 ngón cả ngón cái | 42% |
| 84. Mất bốn ngón trừ ngón cái | 40% |
| 85. Mất ba ngón 3 - 4 - 5 | 27% |
| 86. Mất ba ngón 1 - 2 - 3 | 32% |
| 87. Mất 1 ngón cái và ngón 2..... | 22% |
| 88. Mất 1 ngón cái | 17% |
| 89. Mất 1 ngón ngoài ngón cái..... | 12% |
| 90. Mất 1 đốt ngón cái | 10% |
| 91. Cứng khớp hông | 50% |
| 92. Cứng khớp gối..... | 35% |
| 93. Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi..... | 50% |

| | |
|---|-----|
| 94. Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi | |
| - Ít nhất 5 cm..... | 42% |
| - Từ 3 đến 5 cm | 37% |
| 95. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài | 40% |
| 96. Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong | 30% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|---|-------|
| 97. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 20% |
| 98. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can tốt, cử động bình thường..... | 30% |
| 99. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, không phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ | 30% |
| 100. Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới, có phẫu thuật, can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ..... | 40% |
| 101. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng | 25% |
| 102. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng | 35% |
| 103. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ..... | 35% |
| 104. Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ..... | 45% |
| 105. Gãy cổ xương đùi, không phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi..... | 45% |
| 106. Gãy cổ xương đùi, có phẫu thuật, di chứng khớp giả cổ xương đùi..... | 55% |
| 107. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng | 20% |
| 108. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng | 25% |
| 109. Gãy 2 xương cẳng chân, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo | 25% |
| 110. Gãy 2 xương cẳng chân, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo | 30% |
| 111. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can tốt, trục thẳng..... | 15% |
| 112. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can tốt, trục thẳng..... | 18% |
| 113. Gãy xương chày, không phẫu thuật, can xấu, chân vẹo | 18% |
| 114. Gãy xương chày, có phẫu thuật, can xấu, chân vẹo | 22% |
| 115. Gãy đoạn mắt chày, không phẫu thuật | 15% |
| 116. Gãy đoạn mắt chày, có phẫu thuật | 25% |
| 117. Gãy xương mác, không phẫu thuật..... | 10% |
| 118. Gãy xương mác, có phẫu thuật..... | 20% |
| 119. Đứt gân bánh chè, cơ năng khớp gối tốt | 15% |
| 120. Đứt gân bánh chè, hạn chế cơ năng khớp gối | 25% |
| 121. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật..... | 10% |
| 122. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật..... | 20% |
| 123. Gãy xương bánh chè, không phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu | 25% |
| 124. Gãy xương bánh chè, có phẫu thuật, bị cứng khớp gối hoặc teo cơ tứ đầu | 25% |
| 125. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gối chân tốt | 15% |
| 126. Đứt gân Achille, cơ năng vùng gối bị hạn chế..... | 20% |
| 127. Gãy xương đốt bàn tay(tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%) | 7-15% |
| 128. Gãy xương gót, không phẫu thuật..... | 15% |
| 129. Gãy xương gót, có phẫu thuật..... | 20% |
| 130. Gãy xương ngón chân (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt, mỗi đốt tương ứng 2%) | 4-12% |
| 131. Gãy ngành ngang xương mu, không dập niệu đạo | 25% |
| 132. Gãy ngành ngang xương mu, có dập niệu đạo | 32% |
| 133. Gãy ụ ngồi | 25% |
| 134. Gãy cánh xương chậu 1 bên, không điều trị chỉnh hình..... | 20% |
| 135. Gãy cánh xương chậu 1 bên, có điều trị chỉnh hình..... | 30% |
| 136. Gãy xương chậu 2 bên, liên xương tốt, không méo xương chậu | 40% |
| 137. Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu ảnh hưởng đến sinh đẻ..... | 55% |
| 138. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn | 10% |
| 139. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, không rối loạn cơ tròn | 15% |
| 140. Gãy xương cùng, không phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn | 25% |
| 141. Gãy xương cùng, có phẫu thuật, có rối loạn cơ tròn | 35% |

CỘT SỐNG

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|---|-----|
| 142. Cắt bỏ cung sau của một đốt sống | 35% |
| 143. Cắt bỏ cung sau của 2 – 3 đốt sống trở lên | 50% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|---|-----|
| 144. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, không phẫu thuật, không liệt tủy..... | 30% |
| 145. Gãy xẹp thân 1 đốt sống, có phẫu thuật, không liệt tủy..... | 40% |
| 146. Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên, không phẫu thuật, không liệt tủy..... | 50% |
| 147. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, không phẫu thuật..... | 10% |
| 148. Gãy vỡ mồm gai hoặc mồm bên của 1 đốt sống, có phẫu thuật..... | 17% |

| | |
|--|-----|
| 149. Gãy vỡ mõm gai hoặc mõm bên của 2-3 đốt sống, không phẫu thuật..... | 25% |
| 150. Gãy vỡ mõm gai hoặc mõm bên của 2-3 đốt sống, có phẫu thuật..... | 45% |

SỌ NÃO

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|---|-----|
| 151. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính dưới 6cm | 30% |
| 152. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính từ 6 đến 10cm | 50% |
| 153. Khuyết xương sọ, chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần, đường kính trên 10cm..... | 60% |
| 154. Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não: | |
| - Nói ngọng, nói lắp nói khó khăn có ảnh hưởng đến giao tiếp | 35% |
| - Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca..... | 65% |
| - Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết, mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Werricke .. | 60% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|--|-----|
| 155. Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỷ lệ) | 50% |
| 156. Vết thương sọ não hở, xương bị nứt rạn | 45% |
| 157. Vết thương sọ não hở, lún xương sọ | 45% |
| 158. Vết thương sọ não hở, nhiều mảnh xương đi sâu vào não | 55% |
| 159. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), không điều trị phẫu thuật | 20% |
| 160. Chấn thương sọ não kín, gãy xương vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương), có điều trị phẫu thuật | 30% |
| 161. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật | 30% |
| 162. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ không liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật | 40% |
| 163. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, không điều trị phẫu thuật | 40% |
| 164. Chấn thương sọ não kín, gãy xương lan xuống nền sọ có liệt dây thần kinh ở nền sọ, có điều trị phẫu thuật | 50% |
| 165. Chấn thương sọ não gây chấn động não | 15% |
| 166. Chấn thương sọ não gây phù não | 50% |
| 167. Chấn thương sọ não gây dập não, dập não | 55% |
| 168. Chấn thương sọ não gây chảy máu khoang dưới nhện | 50% |
| 169. Chấn thương sọ não gây máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não) | 40% |

LỒNG NGỰC

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|---|-----|
| 170. Cắt bỏ 1 – 2 xương sườn | 17% |
| 171. Cắt bỏ từ 3 xương sườn (mỗi xương sườn cắt bỏ trên 03 xương sườn tăng thêm 5%) | 25% |
| 172. Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn (mỗi đoạn xương sườn cắt bỏ thêm 3%) | 8% |
| 173. Cắt toàn bộ một bên phổi | 75% |
| 174. Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên, dung tích sống giảm trên 50% | 70% |
| 175. Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên | 55% |
| 176. Cắt 1 thùy phổi | 40% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|--|-----|
| 177. Gãy 1-2 xương sườn, không phẫu thuật..... | 7% |
| 178. Gãy 1-2 xương sườn, có phẫu thuật..... | 12% |
| 179. Gãy 3 xương sườn trở lên, không phẫu thuật..... | 15% |
| 180. Gãy 3 xương sườn trở lên, có phẫu thuật..... | 25% |
| 181. Gãy xương ức đơn thuần, không phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)..... | 15% |
| 182. Gãy xương ức đơn thuần, có phẫu thuật (chức năng tim và hô hấp bình thường)..... | 25% |
| 183. Mè hoặc rạn nứt xương ức | 12% |
| 184. Trần dịch, khí, máu màng phổi (chỉ chọc hút đơn thuần) | 8% |
| 185. Trần khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu, mổ cầm máu) | 25% |
| 186. Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)..... | 55% |
| 187. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả hạn chế | 65% |
| 188. Khâu màng ngoài tim, phẫu thuật kết quả tốt | 40% |

BỤNG

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|-------------------------------|-----|
| 189. Cắt toàn bộ dạ dày | 80% |
| 190. Cắt đoạn dạ dày | 55% |

| | |
|--|-----|
| 191. Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m) | 80% |
| 192. Cắt đoạn ruột non..... | 45% |
| 193. Cắt toàn bộ đại tràng | 80% |
| 194. Cắt đoạn đại tràng | 55% |
| 195. Cắt bỏ gan phải đơn thuần | 75% |
| 196. Cắt bỏ gan trái đơn thuần | 65% |
| 197. Cắt ½ của một thùy gan..... | 60% |
| 198. Cắt 1/3 của một thùy gan..... | 40% |
| 199. Cắt dưới 1/3 của một thùy gan..... | 30% |
| 200. Cắt bỏ túi mật | 50% |
| 201. Cắt bỏ lá lách..... | 45% |
| 202. Cắt bỏ đuôi tụy, lách | 65% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|--|-----|
| 203. Khâu lỗ thủng dạ dày..... | 30% |
| 204. Khâu lỗ thủng ruột non (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng)..... | 35% |
| 205. Khâu lỗ thủng đại tràng (có thể 1 hay nhiều lỗ thủng) | 35% |
| 206. Đụng dập gan, khâu gan | 40% |
| 207. Khâu vỡ lách..... | 25% |
| 208. Khâu tụy | 32% |

CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|---|-----|
| 209. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường | 55% |
| 210. Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý..... | 75% |
| 211. Cắt 1 phần thận trái hoặc phải..... | 35% |
| 212. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi chưa có con | 75% |
| 213. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người dưới 55 tuổi đã có con rồi..... | 60% |
| 214. Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người trên 55 tuổi..... | 40% |
| 215. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng1 bên ở người dưới 45 tuổi chưa có con | 65% |
| 216. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng1 bên ở người dưới 45 tuổi đã có con | 35% |
| 217. Cắt bỏ dạ con và buồng trứng1 bên ở người trên 45 tuổi..... | 27% |
| 218. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 1 bên..... | 25% |
| 219. Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi 2 bên..... | 50% |
| 220. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 1 bên | 17% |
| 221. Cắt vú ở nữ trên 45 tuổi 2 bên | 35% |
| 222. Cắt 1 phần bàng quang | 30% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|---|-----|
| 223. Chấn thương thận nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày) | 6% |
| 224. Chấn thương thận trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)..... | 12% |
| 225. Chấn thương thận nặng (có đụng dập, phải can thiệp ngoại khoa) | 50% |
| 226. Mở thông bàng quang vĩnh viễn..... | 75% |
| 227. Khâu thủng lỗ bàng quang (có thể một hay nhiều lỗ thủng) | 32% |

MẮT

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|--|-----|
| 228. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, không lắp được mắt giả | 60% |
| 229. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt, lắp được mắt giả | 55% |
| 230. Một mắt thị lực còn đến 1/10..... | 37% |
| 231. Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10..... | 15% |
| 232. Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10..... | 10% |
| 233. Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn này đã mất hoặc mù một mắt rồi | 90% |

TAI - MŨI - HỌNG

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|---|-----|
| 234. Điếc 2 tai hoàn toàn không phục hồi được..... | 80% |
| 235. Điếc 2 tai nặng (nói to hoặc thét vào tai còn nghe)..... | 65% |
| 236. Điếc 2 tai vừa (nói to 1-2m còn nghe)..... | 40% |
| 237. Điếc 2 tai nhẹ (nói to 2-4m còn nghe | 20% |
| 238. Điếc 1 tai, hoàn toàn không phục hồi được..... | 35% |
| 239. Điếc 1 tai mức độ vừa | 15% |

| | |
|--|-----|
| 240. Điếc 1 tai mức độ nhẹ..... | 8% |
| 241. Mất vành tai 2 bên..... | 30% |
| 242. Mất vành tai 1 bên..... | 15% |
| 243. Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai..... | 20% |
| 244. Mất mũi hoàn toàn..... | 40% |
| 245. Biến dạng mũi..... | 18% |
| 246. Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt..... | 30% |

RĂNG - HÀM - MẶT

THƯƠNG TẬT VĨNH VIỄN

| | |
|--|-----|
| 247. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống khác bên..... | 85% |
| 248. Mất toàn bộ xương hàm trên và một phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống cùng bên..... | 75% |
| 249. Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới..... | 75% |
| 250. Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới từ 1/3 đến 1/2 bị mất từ cạnh cao trở xuống..... | 40% |
| 251. Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương..... | 22% |
| 252. Mất răng trên 8 cái không lắp được răng giả..... | 35% |
| 253. Mất răng trên 8 cái lắp được răng giả..... | 25% |
| 254. Mất từ 5 đến 7 răng..... | 20% |
| 255. Mất từ 3 đến 4 răng..... | 10% |
| 256. Mất từ 1 đến 2 răng..... | 4% |
| 257. Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)..... | 80% |
| 258. Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi..... | 55% |
| 259. Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm..... | 20% |
| 260. Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm..... | 10% |

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|--|-----|
| 261. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt..... | 20% |
| 262. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, cơ năng các khớp tốt..... | 25% |
| 263. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, không phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó..... | 30% |
| 264. Gãy xương hàm trên và hàm dưới, có phẫu thuật, di chứng can xấu gây sai khớp nhai, ăn khó..... | 35% |
| 265. Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức nhai..... | 20% |

VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM - BỎNG

THƯƠNG TẬT TẠM THỜI

| | |
|--|-----|
| 266. Vết thương phần mềm (VTPM) là các vết cắt, chém bề rộng dưới 2cm gây rách da, rách niêm mạc ... không ảnh hưởng đến cơ năng, chiều dài: | |
| - Từ 2cm – 4cm..... | 2% |
| - Từ 4cm – 7cm..... | 3% |
| - Từ 7cm – 10cm..... | 4% |
| - Từ 10cm – 15cm..... | 5% |
| - Trên 15cm..... | 7% |
| 267. Vết thương phần mềm là các tổn thương dập nát, không để lại di chứng, diện tích: | |
| - Dưới 9cm ² | 2% |
| - Từ 9cm ² đến 12cm ² | 3% |
| - Từ 12cm ² đến 16cm ² | 4% |
| - Từ 16cm ² đến 24cm ² | 6% |
| - Từ 24cm ² đến 30cm ² | 8% |
| - Từ 30cm ² đến 35cm ² | 10% |
| - Trên 35cm ² | 12% |
| (Nếu các vết thương trên do súc vật gây ra thì cộng thêm 1% vào tỷ lệ ở trên) | |
| 268. Vết thương phần mềm gây bong gân ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai..... | 4% |
| 269. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp bàn ngón tay và bàn ngón chân..... | 2% |
| 270. Vết thương phần mềm gây trật khớp ở các khớp cổ chân, khớp gối, khớp háng, khớp cổ tay, khớp khuỷu, khớp vai..... | 7% |
| 271. Bỏng nông (độ I, độ II): | |
| - Diện tích dưới 5%..... | 4% |
| - Diện tích từ 5% đến 15%..... | 12% |
| - Diện tích trên 15%..... | 20% |
| 272. Bỏng sâu (độ III, độ IV): | |
| - Diện tích dưới 5%..... | 22% |
| - Diện tích từ 5% đến 15%..... | 40% |
| - Diện tích trên 15%..... | 70% |

Nếu có bất kỳ thắc mắc nào về chương trình, vui lòng liên hệ Tổng đài bảo hiểm miễn cước **1900-6486 (24/7)** hoặc qua email **chamsockhachhang@gic.com.vn**.

Bằng việc đăng ký và thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ theo quy định, Bên mua bảo hiểm xác nhận đã được giải thích về các Quy tắc bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cũng xác nhận rằng mình hiểu rõ và đồng ý với điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm này.

CẢM ƠN BẠN ĐÃ TIN DÙNG GIC!

GIC CHÚC BẠN LUÔN CÓ NHỮNG HÀNH TRÌNH AN TOÀN!



TỔNG ĐÀI CỨU HỘ:

1900 969612

TỔNG ĐÀI BẢO HIỂM:

1900 6486

 **Email:** chamsockhachhang@gic.com.vn

 **Website:** gic.com.vn



Nhận tư vấn tại
Zalo GIC:



Tải ứng dụng để quản lý hợp đồng
của bạn và người thân:

